BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ BT HT & TĐC
CÔNG TRÌNH: CẦU PÁC LÀNG, XÃ ĐIỀM HE, HUYỆN VĂN QUAN

(Kèm theo Quyết định số 3314 /QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND huyện

STT	HỌ VÀ TÊN	VẬT KIẾN TRÚC	TỔNG CỘNG
1	**Hoàng Sỹ Hưng**	35.478.510	**35.478.510**
2	**Hoàng Văn Hiên**	67.938.120	**67.938.120**
3	**Hoàng Thị Sơn**	11.868.840	**11.868.840**
4	**Hoàng Văn Sư**	20.700.000	**20.700.000**
		135.985.470	**135.985.470**

ı)

ĐVT: đồng

GHI CHÚ

BẢNG TÍNH BỒI THƯỜNG NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC
CÔNG TRÌNH: CẦU PÁC LÀNG, XÃ ĐIỀM HE, HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN (lần 2)
(Kèm theo Quyết định số 3314/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND huyện)

Đ

TT	SBB	Chủ hộ, Hạng mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Loại nhà	Năm xây dựng	Kích thước	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Tỷ lệ HT	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12=9*10*
1	**1**	**Hoàng Sỹ Hưng**									**35.478.510**
			Lều xây gạch bê tông, không trát, mái lợp proxi măng, nền lãng vữa xi măng	Nhà lều quán, chuồng trại chăn nuôi	2013	4,2*3,25	m2	13,65	852.000	50%	5.814.900
			Đối trừ mái lợp pro xi măng			(4.2*3.25)*1.2	m2	16,38	(100.000)	50%	(819.000)
			Sân lãng vữa xi măng		2013	9*4.1	m2	36,9	188.000	50%	3.468.600
			Tường rào xây gạch bê tông không trát		2013	15.9*1.6	m2	25,44	679.000	100%	17.273.760
			Móng kè đá hộc xây			15*0.9*0.5	m3	6,75	1.443.000	100%	9.740.250
2	3	**Hoàng Văn Hiên**									**67.938.120**
		Thửa 82 DCS	Quán cột sắt phi 90 và cột tre, mái lợp proxi măng, nền lãng vữa xi măng	Nhà lều quán, chuồng trại chăn nuôi	2013	8.4*7.6	m2	63,84	852.000	50%	27.195.840
			Đối trừ mái lợp pro xi măng			(8.4*7.6)*1.2	m2	76,61	(100.000)	50%	(3.830.400)
		Thửa 82 DCS	Quán cột bê tông ống phi 110 và cột tre, mái lợp proxi măng, nền lãng vữa xi măng	Nhà lều quán, chuồng trại chăn nuôi	2013	12.6*7.3	m2	91,98	852.000	50%	39.183.480
			Đối trừ mái lợp pro xi măng			(12.6*7.3)*1.2	m2	110,38	(100.000)	50%	(5.518.800)
		Nằm ngoài phạm vi GPMB, thửa 82, DCS	Chuồng lợn xây gạch bê tông không trát, mái lợp proxi măng, nền lãng vữa xi măng	Nhà lều quán, chuồng trại chăn nuôi		8.8*3.7	m2	32,56			-
		Thửa 82 DCS	Giếng khoan		2013		m	46	450.000	50%	10.350.000

TT	SBB	Chủ hộ, Hạng mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Loại nhà	Năm xây dựng	Kích thước	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Tỷ lệ HT	Thành tiền
		Thửa 82 DCS	01 téc nước		2013		m3	1,5	1.116.000	50%	558.000
		Nằm ngoài phạm vi GPMB, thửa 82, DCS	Kè xây gạch bê tông không trát dài 8,2m; cao 1,6m, rộng 0,2m			8.2*1.6	m2	13,12			-
3	4	**Hoàng Thị Sơn**									**11.868.840**
			Chuồng trâu xây gạch bê tông không trát, mái lợp proxi măng, nền lãng vữa xi măng	Nhà lều quán, chuồng trại chăn nuôi	1998	4.15*3.3	m2	13,70	852.000	100%	11.668.140
			Đối trừ mái lợp pro xi măng			(4.15*3.3)*1.2	m2	16,43	(100.000)	50%	(821.700)
			Nhà vệ sinh gạch bê tông không trát, mái lợp ngói âm dương	Nhà lều quán, chuồng trại chăn nuôi	1993	1.2*1	m2	1,2	852.000	100%	1.022.400
			Lò đốt giác xây gạch bê tông không trát		2021	((1*0.12*1.5)+(1*0,12*1))*2		0,6			-
4	5	**Hoàng Văn Sư**	Giếng khoan				m	46	450.000		20.700.000
		Thôn Pác Làng									
		Cộng									**20.700.000**
		Tổng Cộng									**135.985.470**

TT	SBB	Chủ hộ, Hạng mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Loại nhà	Năm xây dựng	Kích thước	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Tỷ lệ HT	Thành tiền

ơn vị: đồng

Ghi chú
13
Xây dựng trên đất DCS thửa 120
Xây dựng trên đất DCS thửa 120
Thửa 79 BHK
Thửa 79 BHK
Không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ

Ghi chú
Chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đắt tương đương bể nước bằng inox
Không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ
Thửa 83 BHK
Thửa 83 BHK
Không đủ điều kiện
Thửa 111 ONT
Đã bồi thường 01 cái

Ghi chú